TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/DS-PT
Ngày 23 - 01- 2024
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thuý Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2023/TLPT- DS ngày 09/11/2023 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố VY có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 134/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A (viết tắt Ngân hàng A); Địa chỉ: Số 89 LH, phường LH, quận DĐ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy Th1 - Chuyên viên xử lý nợ - là người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn (Theo Văn bản ủy quyền số 378/2022/UQ-VPB ngày 01/9/2022) (có mặt)

2. Bị đơn:

- Bà Nguyễn Thị Mai H, sinh năm 1968 (có mặt);
- Ông Hà Văn Th, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Đều cùng địa chỉ: Khu hành chính 5, phường NQ, thành phố VY, tỉnh VP

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hà Văn Q, sinh năm 1988 (vắng mặt);
- Chị Hà Thu Ng, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Đều cùng địa chỉ: Khu hành chính 5, phường NQ, thành phố VY, tỉnh VP

4. Người kháng cáo: Ngân hàng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo,người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 27/3/2017, Ngân hàng A đã phát hành thẻ tín dụng số 324-P-7047938 hạng Titanium A Lady MasterCard theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử cho vợ chồng ông bà Nguyễn Thị Mai H, Hà Văn Th, với số tiền hạn mức 69.000.000 đồng. Trường hợp Chủ thẻ sử dụng giao dịch vượt quá hạn mức mà Ngân hàng chứng minh được giao dịch vượt quá hạn mức đó phát sinh từ thẻ của chủ thẻ thì chủ thẻ phải có trách nhiệm trả phí và thanh toán theo quy định của Ngân hàng khi sử dụng thẻ quá hạn mức được phép, lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất do ngân hàng quy định tại từng thời kỳ. Đối với giao dịch rút tiền mặt tại ATM hoặc ứng tiền mặt tại thiết bị đọc thẻ POS, chủ thẻ sẽ phải chịu lãi suất trên khoản tiền đã rút kể từ ngày thực hiện giao dịch cho đến ngày trả hết nợ. Số tiền phí rút tiền mặt, lãi được thể hiện trên sao kê cùng kỳ. Nếu chủ thẻ không thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số dư nợ rút tiền mặt thì số dư nợ còn lại sẽ tiếp tục được tính lãi cho đến khi được thanh toán hết và sẽ thể hiện trên sao kê của các kỳ tiếp theo; Trường hợp chủ thẻ thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ thì vào ngày đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ thanh toán toàn bộ số dư nợ trên sao kê, A sẽ ưu đãi miễn lãi suất cho toàn bộ giao dịch trong kỳ sao kê đó. Trường hợp vào ngày đến hạn thanh toán, chủ thẻ trả nợ ít nhất bằng khoản thanh toán tối thiểu, A sẽ tính lãi đối với tất cả các giao dịch trong kỳ sao kê kể từ ngày giao dịch thẻ được cập nhật vào hệ thống quản lý thẻ của Ngân hàng cho đến ngày chủ thẻ trả nợ, các giao dịch chưa thanh toán sẽ tiếp tục bị tính lãi và được thể hiện trên sao kê của kỳ sao kê tiếp theo. Trong vòng 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, nếu chủ thẻ không thanh toán đúng hạn khoản thanh toán tối thiểu thì phần giá trị thanh toán tối thiểu chưa được thanh toán sẽ bị tính phạt chậm trả và lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn. Số dư nợ còn lại sau khi trừ đi số tiền thanh toán tối thiểu vẫn tính theo lãi suất trong hạn theo quy định của Ngân hàng. Sau 60 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán đầu tiên mà chủ thẻ không thanh toán đủ khoản thanh toán tối thiểu thì toàn bộ dư nợ chưa thanh toán phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngoài ra chủ thẻ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng khoản phạt chậm trả theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.

- Ngày 17/5/2019, ngân hàng A tiếp tục ký Hợp đồng cho vay số LN1905141388921 với vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai H, ông Hà Văn Th để cho bà H, ông Th vay số tiền là 400.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9,9%/năm. Lãi suất này được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần; lãi suất cho vay áp dụng với dư nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn; lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không

quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; phương thức trả nợ: Trả nợ gốc theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 18 hàng tháng (kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 18/6/2019).

Để đảm bảo cho hai khoản vay trên, vợ chồng bà H, ông Th đã ký với ngân hàng A Hợp đồng thế chấp số 5383378 ngày 30/11/2015, công chứng số: 4854/2015/HĐTC, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD; Văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2015 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 17/5/2019, công chứng số 2301/2019/PLHĐTC, quyển số 11TP/CC-SCC/HĐGD và được Đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật.

Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tại: Phường NQ, thị xã VY, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, số X 452048, số vào sổ cấp GCN: 01324QSDĐ/1288/QĐ-UB do UBND thị xã VY, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) cấp ngày 12/12/2003 cho hộ ông Hà Văn Th, trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng.

Sau khi phát hành thẻ tín dụng, ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông bà H Thêm tổng số tiền là: 400.000.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng; đối với Thẻ tín dụng, bà H ông Th đã sử dụng hết số tiền 228.954.078 đồng (tính đến ngày 15/4/2020 là ngày Ngân hàng khóa thẻ).

Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với khoản vay của thẻ tín dụng, bà H đã trả cho Ngân hàng được 66.827.408 đồng tiền gốc và 114.732.810 đồng tiền lãi. Số dư nợ gốc còn lại là 162.126.670 đồng. Đến ngày 05/02/2021 thì chuyển nợ quá hạn.

Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LN1905141388921 ngày 17/5/2019, ông Th, bà H đã trả được 133.806.259 đồng tiền gốc. Đến ngày 18/2/2021 ông bà vi phạm nghĩa vụ và khoản vay chuyển thành nợ quá hạn. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ngày 28/02/2023 và 28/3/2023, vợ chồng ông bà H, Th tiếp tục trả cho Ngân hàng 85.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm, ông Th, bà H đã trả được Ngân hàng 218.806.259 đồng tiền gốc, 67.140.577 đồng tiền lãi còn nợ lại tiền gốc là 181.193.741 đồng.

Nay Ngân hàng A yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai H cùng chồng là ông Hà Văn Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của cả hai khoản vay trên tính đến ngày 19/9/2023 là 726.003.589 đồng, cụ thể:

- Đối với Hợp đồng tín dụng là 181.193.741 đồng nợ gốc; nợ lãi trong hạn là 7.679.694 đồng; nợ lãi quá hạn là 113.758.640 đồng; nợ lãi phạt chậm trả là 17.498.054 đồng.

- Đối với Thẻ tín dụng là 162.126.670 đồng nợ gốc; nợ lãi là 243.746.790 đồng, trong đó lãi trong hạn là 11.789.731 đồng; lãi quá hạn là 231.957.059 đồng.

Trường hợp bà H, ông Th không trả được nợ, Ngân hàng được quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 100, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tại: Phường NQ, thị xã VY, tỉnh VY và 01 ngôi nhà 03 tầng xây dựng trên đất. Nếu xử lý hết tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì ông Th, bà H phải tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ trên.

Kể từ ngày sau ngày xét xử sơ thẩm, ông Th, bà H phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai H trình bày: Bà H thừa nhận vợ chồng bà có ký Hợp đồng tín dụng và sử dụng Thẻ tín dụng số 324-P-7047938 hạng Titanium A Lady MasterCard theo Giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng và đăng ký sử dụng dịch vụ ngân hàng điện tử của Ngân hàng A như Ngân hàng trình bày. Đối với khoản vay từ thẻ tín dụng, mặc dù đứng tên chủ thẻ là một mình bà nhưng số tiền vay được từ thẻ tín dụng dùng cho sinh hoạt gia đình. Ông Th cũng biết về khoản vay đó và đồng ý với khoản vay này của bà. Do đó xác định đây là khoản vay chung của hai vợ chồng.

Sau khi phát hành thẻ tín dụng, ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông bà tổng số tiền là: 400.000.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng; đối với Thẻ tín dụng, ông bà đã sử dụng hết số tiền 228.954.078 đồng .

Để đảm bảo cho hai khoản vay trên, vợ chồng bà đã ký Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tại: Phường NQ, thị xã VY, tỉnh VY (nay là thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, số X 452048, số vào sổ cấp GCN: 01324QSDĐ/1288/QĐ-UB do UBND thị xã VY, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) cấp ngày 12/12/2003 cho hộ ông Hà Văn Th, trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do làm ăn khó khăn vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nay bà xác nhận, tính đến thời điểm 31/8/2023 (thời điểm tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải), số tiền còn nợ Ngân hàng bao gồm cả nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, nợ lãi chậm trả của hai Hợp đồng tín dụng trên là 718.665.540 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền trên, bà đồng ý trả nhưng do điều kiện kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên bà đề nghị Ngân hàng cho bà được trả dần số tiền gốc và miễn khoản tiền lãi cho bà.

Trường hợp nếu bà không trả được nợ cho Ngân hành A thì bà cũng nhất trí xử lý tài sản thế chấp.

Bị đơn ông Hà Văn Th xác nhận vợ chồng có vay Ngân hàng như lời trình bày của bà H. Đề nghị Ngân hàng cho gia đình ông được trả dần số tiền gốc và miễn khoản tiền lãi cho gia đình ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thu Nga trình bày:

Việc bố mẹ chị vay nợ Ngân hàng A chị có biết, mục đích vay để mua sắm vật dụng gia đình. Chị và anh Q (là anh trai chị) có ký kết vào hợp đồng thế chấp. Về bản chất tài sản thế chấp là của bố mẹ chị, hai anh em chị không có công sức đóng góp gì. Chị không hiểu vì sao Ngân hàng lại đưa anh em chị vào ký kết hợp đồng thế chấp. Do việc làm ăn của gia đình chị gặp khó khăn nên bố mẹ chị đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Chị mong Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình chị được trả nợ dần tiền gốc, còn tiền lãi xin miễn cho gia đình chị. Về tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa đất số 100, tờ bản đồ 08. Tại địa chỉ: phường NQ, thành phố VY, tỉnh VP là tài sản của bố mẹ chị. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật chị không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Hà Văn Q: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ, bà H đã nhận thay anh Q các văn bản tố tụng và cam kết sẽ thông báo cho anh Q nhưng anh Q không đến làm việc nên không có bản tự khai.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố VY đã căn cứ vào các điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 94, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 317, 318, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc trả nợ gốc, lãi, lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng đã ký với bà Nguyễn Thị Mai H và ông Hà Văn Th. Buộc vợ chồng bà H và ông Th phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 19/9/2023 là 726.003.589 đồng.

Cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng là 181.193.741 đồng nợ gốc; nợ lãi trong hạn là 7.679.694 đồng; nợ lãi quá hạn là 113.758.640 đồng; nợ lãi phạt chậm trả là 17.498.054 đồng.

Đối với Thẻ tín dụng là 162.126.670 đồng nợ gốc; nợ lãi là 243.746.790 đồng, trong đó lãi trong hạn là 11.789.731 đồng; lãi quá hạn là 231.957.059 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/9/2023), vợ chồng bà H, ông Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Trường hợp vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai H, ông Hà Văn Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5383378 ngày 30/11/2015; Văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2015 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 17/5/2019 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tại: phường NQ, thành phố VY, tỉnh VP (nay là thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, số X 452048, số vào sổ cấp GCN: 01324QSDĐ/1288/QĐ-UB do UBND thị xã VY, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) cấp ngày 12/12/2003 cho hộ ông Hà Văn Th; trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì bà H, ông Th có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho A.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 Ngân hàng A (A) kháng cáo không đồng ý với một phần nội dung bản án đã tuyên về nội dung: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng bà H, ông Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 19 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc và tuyên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ, vợ chồng bà H, ông Th còn phải tiếp tục chịu lãi với mức lãi suất quá hạn đã được thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng đã ký kết và phải chịu lãi suất chậm trả trên số tiền chưa trả với mức lãi suất 10% /năm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kháng cáo; bị đơn đề nghị được tính lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự vì hiện nay vợ chồng bị đơn gặp khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A (A), giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu không được chấp nhận

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ngân hàng A làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Tại phiên toà, ông Hà Văn Th, chị Hà Thu Nga có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Hà Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự trên theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vợ chồng bà H và ông Th phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (tức 10%/năm). Đề nghị sửa một phần Bản án số 33 ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố VY, theo hướng buộc vợ chồng bà H và ông Th phải chịu lãi với mức lãi suất quá hạn đã được thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng đã ký kết và phải chịu lãi chậm trả trên số tiền lãi chưa trả với mức lãi suất 10%/năm. HĐXX thấy rằng:

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng số: LN1905141388921 ngày 17/5/2019 và phát hành Thẻ tín dụng số 324-P-7047938 ngày 27/3/2017 cho bà Nguyễn Thị Mai H và ông Hà Văn Th thì Ngân hàng A đã giải ngân cho vợ chồng ông bà H Thêm tổng số tiền là: 400.000.000 đồng đối với Hợp đồng tín dụng; đối với Thẻ tín dụng, bà H đã sử dụng hết số tiền 228.954.078 đồng (tính đến ngày 15/4/2020 là ngày Ngân hàng khóa thẻ). Đối với khoản vay từ thẻ tín dụng, mặc dù đứng tên chủ thẻ là bà H nhưng số tiền vay được từ thẻ tín dụng dùng cho sinh hoạt gia đình. Ông Th cũng biết về khoản vay đó và đồng ý với khoản vay này của bà. Do đó xác định đây là khoản vay chung của hai vợ chồng.

Ngân hàng A đã yêu cầu bà Nguyễn Thị Mai H cùng chồng là ông Hà Văn Th phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả của cả hai khoản vay trên tính đến ngày 19/9/2023 là 726.003.589 đồng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng là 181.193.741 đồng nợ gốc; nợ lãi trong hạn là 7.679.694 đồng; nợ lãi quá hạn là 113.758.640 đồng; nợ lãi phạt chậm trả là 17.498.054 đồng.

Đối với Thẻ tín dụng là 162.126.670 đồng nợ gốc; nợ lãi là 243.746.790 đồng, trong đó lãi trong hạn là 11.789.731 đồng; lãi quá hạn là 231.957.059 đồng.

Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1, khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, khoản 2,3,4 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

Tại phiên toà phúc thẩm các đương sự xác nhận trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị đơn đã trả cho nguyên đơn 30.000.000đ tiền gốc.

Đối với yêu cầu của ngân hàng A về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ HĐXX nhận thấy: Mặc dù khi ký kết Hợp đồng tín dụng và Thẻ tín dụng giữa ngân hàng A và vợ chồng ông Th, bà H có thỏa thuận về lãi suất nhưng phương thức áp dụng lãi suất theo thỏa thuận của các bên là áp dụng lãi suất thả nổi. Đối với Thẻ tín dụng, lãi suất cho vay áp dụng theo biểu lãi suất do ngân hàng quy định đối với từng thời kỳ; đối với Hợp đồng tín dụng số: LN1905141388921 ngày 17/5/2019 thì lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần, theo biên độ dao động 1,5%/năm. Do đó về bản chất khi xác lập quan hệ vay nợ giữa bà H và Ngân hàng chưa thống nhất mức lãi suất cụ thể là bao nhiêu. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, mức lãi suất cho vay theo Hợp đồng tín dụng số: LN1905141388921 ngày 17/5/2019 mà Ngân hàng A điều chỉnh đang áp dụng đối với ông Th, bà H là 14,6%/năm, lãi suất quá hạn là 21,9%/năm; còn Thẻ tín dụng đang áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 4,49%/tháng, tương đương 53,8%/năm. Mặc dù việc thỏa thuận là do các bên nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự đã quy định: "*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*".

Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm bà H trình bày khi vay chỉ được Ngân hàng thông báo mức lãi suất 9%/ năm nên gia đình bà đồng ý mà không biết rằng lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ và theo biên độ dao động. Gia đình bà không hiểu biết chỉ vay tiêu dùng nên thấy rằng mức lãi suất Ngân hàng đang áp dụng là quá cao nên bà đề nghị Toà án xem xét áp dụng mức lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự vì gia đình bà đang gặp khó khăn.

Do vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng A mà chỉ buộc vợ chồng bà H, ông Th phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ và đúng quy định.

Từ những căn cứ trên, nhận thấy kháng cáo của đại diện Ngân hàng Ngân hàng A là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là phù hợp cần được chấp nhận

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng Ngân hàng A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 94, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 317, 318, 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc trả nợ gốc, lãi, lãi chậm trả theo Hợp đồng tín dụng đã ký với bà Nguyễn Thị Mai H và ông Hà Văn Th.

Buộc vợ chồng bà H và ông Th phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền tính đến ngày 19/9/2023 là 726.003.589 đồng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng nợ gốc là 181.193.741 đồng; nợ lãi trong hạn là 7.679.694 đồng; nợ lãi quá hạn là 113.758.640 đồng; nợ lãi phạt chậm trả là 17.498.054 đồng (Xác nhận ngày 22/01/2024 bà Nguyễn Thị Mai H và ông Hà Văn Th đã trả số tiền gốc 30.000.000 đồng)

Đối với Thẻ tín dụng nợ gốc là 162.126.670 đồng; nợ lãi là 243.746.790 đồng, trong đó lãi trong hạn là 11.789.731 đồng; lãi quá hạn là 231.957.059 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/9/2023), vợ chồng bà H, ông Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Trường hợp vợ chồng bà Nguyễn Thị Mai H, ông Hà Văn Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 5383378 ngày 30/11/2015; Văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2015 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 17/5/2019 để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ số 08; địa chỉ tại: Phường NQ, thị xã VY, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, số X 452048, số vào sổ cấp GCN: 01324QSDĐ/1288/QĐ-UB do UBND thị xã VY, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc) cấp ngày 12/12/2003 cho hộ ông Hà Văn Th, trên đất có 01 ngôi nhà 03 tầng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì bà H, ông Th có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho A.

4. Về án phí:

Bà H, ông Th phải chịu 33.040.143 đồng (làm tròn thành 33.040.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001236 do ông Nguyễn Huy Th nộp ngày 11/10/2023. Xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 15.750.000đ đã nộp tại biên lai số: 0004926 ngày 30/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố VY;
- TAND thành phố VY;
- Chi cục THADS thành phố VY;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thúy Mai